

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tình**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đình Bình**;

2. Bà **Mua Thị Vân**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phàn Thị N**, sinh năm 1993; dân tộc: Dao; nghề nghiệp: Trồng trọt; Nơi thường trú: Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; Đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã D, huyện M, tỉnh Hà Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Anh **Lý Séo C**, sinh năm: 1990; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; địa chỉ: Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2024, bản tự khai ngày 13/11/2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị **Phàn Thị N** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lý Séo C** tự tìm hiểu, chung sống với nhau từ ngày 02/10/2012 tại Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, đến ngày 02/8/2019 thực hiện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách của mỗi người khác nhau, không quan tâm chia sẻ được với nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị N và anh C đã sống ly thân từ ngày 10/6/2020 cho đến nay, không còn tình cảm vợ chồng, tiếp tục cuộc sống sẽ không có hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh Lý Séo C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 26/6/2014 và cháu Lý Thị H, sinh ngày 25/3/2019. Khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con chung là Lý Thị H, đề nghị giao cháu Lý Thị T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh Lý Séo C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không ai nợ vợ chồng chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/02/2025 và biên bản ghi lời khai ngày 24/02/2025 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lý Séo C trình bày thống nhất với lời khai của nguyên đơn chị Phan Thị N về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và thời điểm vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên anh C khai nhận vợ chồng anh sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 6/2020, do gia đình khó khăn, chị N không chịu được vất vả nên tự ý bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ của chị N tại thôn Đ, xã D, huyện M, tỉnh Hà Giang sinh sống nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bản thân anh C còn tình cảm, yêu thương chị N. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh C khai nhận thống nhất với lời khai chị N, vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 26/6/2014 và cháu Lý Thị H, sinh ngày 25/3/2019. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Lý Thị T và Lý Thị H cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Anh C xác nhận, anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh C xác nhận, vợ chồng anh không nợ ai, cũng không ai nợ tài sản gì vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh ngày 04/3/2025 tại chính quyền địa phương nơi anh C, chị N sinh sống trước khi ly thân, xác nhận: Về quan hệ hôn nhân, anh C và chị N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn. Đến năm 2020, chị N bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã D huyện M. Năm 2021, thôn T có tổ chức hòa giải cho vợ chồng anh C, chị N nhưng không thành. Việc mâu thuẫn vợ chồng không rõ nguyên nhân, tuy nhiên quá trình thôn hòa giải, chị N có trình bày, vợ chồng không ở được với nhau nên kiên quyết đòi ly hôn anh C. Anh C và chị N sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, tình

trạng hôn nhân giữa vợ chồng anh C và chị N như hiện nay là không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng anh C, chị N có hai con chung là cháu Lý Thị T và cháu Lý Thị H. Hiện nay cháu T đang được anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đang đi học tại trường tiểu học thôn T, thị trấn M, huyện M, không thấy anh C có biểu hiện bạo hành cháu T. Đối với cháu H đang ở cùng với chị N tại xã D, huyện M nên không nắm được thông tin. Về nhà ở thì vợ chồng anh C, chị N có một căn nhà trình tường đất, mái lợp Pro xi măng, hiện nay hai bố con anh C và cháu T đang sinh sống. Về công việc và thu nhập thì anh C và chị N đều làm ruộng, nương, không có nghề nghiệp nào khác. Thu nhập tính theo mức thu nhập cao nhất công dân của thôn là 2.000.000đồng/tháng.

Tại đơn đề nghị ngày 12/11/2024 của cháu Lý Thị T có nguyện vọng được ở với bố là anh Lý Séo C.

Tại đơn xin xác nhận ngày 20/3/2025 của ông Phan A D và bà Tần Thị U là bố mẹ đẻ của chị Phan Thị N xác nhận, ông D và bà U đồng ý tạo điều kiện và hỗ trợ cho chị Phan Thị N và cháu H về sinh sống cùng gia đình, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất để hỗ trợ chị N nuôi cháu H, gia đình ông D không thuộc diện hộ nghèo, có mức thu nhập trung bình, đủ điều kiện hỗ trợ cho chị N và cháu H sinh sống, học tập trong điều kiện tốt nhất, đơn có xác nhận của ủy ban nhân dân xã D, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Tại biểu kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024 của ủy ban nhân dân xã D, huyện M đánh giá mức thu nhập bình quân đầu người của xã Mậu Duệ đạt 33.000.000đ/người/năm (có dấu treo xác nhận của ủy ban nhân dân xã D, huyện M, tỉnh Hà Giang).

Về thông tin cá nhân của chị Phan Thị N và anh Lý Séo C: Tại Giấy khai sinh con Lý Thị T ghi: Họ, chữ đệm, tên mẹ: Phan Thị D, sinh năm 1994"; các giấy tờ nhân thân khác như giấy khai sinh con Lý Thị H, giấy chứng nhận kết hôn, căn cước công dân, thông báo đăng ký tạm trú đều thể hiện tên Phan Thị N, sinh năm 1993, có xác nhận của ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M Phan Thị D, sinh năm 1994 và Phan Thị N, sinh năm 1993 là cùng một người; đối với thông tin cá nhân anh Lý Séo C, trong giấy khai sinh con Lý Thị T ghi: "Họ, chữ đệm, tên người cha: Lý Seo C"; trong giấy khai sinh con Lý Thị H ghi: "Họ, chữ đệm, tên người cha: Lý Seo C1"; các giấy tờ khác như Giấy đăng ký kết hôn, căn cước công dân, xác nhận thông tin về cư trú đều thể hiện tên là Lý Séo C, có xác nhận của ủy ban nhân dân thị trấn M Lý Séo C, Lý Séo C1, Lý Seo C là cùng một người.

Tại phiên tòa, anh C và chị N đều xác nhận, do quá trình làm khai sinh cho hai con có sai sót, cháu Lý Thị T và Lý Thị H là con chung của anh chị; chị N chỉ có một tên gọi là Phan Thị N, không có tên gọi nào khác và anh C cũng chỉ có một tên gọi là Lý Séo C, không có tên gọi nào khác.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Séo C, đồng thời đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lý Thị H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Anh Lý Séo C giữ nguyên quan điểm, không nhất trí ly hôn theo yêu

cầu của chị N. Trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con Lý Thị T và Lý Thị H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị N và anh C là hợp pháp. Chị N, anh C đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị N, xử cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Lý Séo C. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lý Thị T, sinh ngày 26/6/2014 cho anh Lý Séo C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Lý Thị H, sinh ngày 25/3/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn chị Phan Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lý Séo C, có nơi cư trú tại Thôn T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn là chị Phan Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị N và anh Lý Séo C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị Phan Thị N và anh Lý Séo C là hợp pháp.

[4] *Về căn giải quyết yêu cầu ly hôn*: Chị Phan Thị N và anh Lý Séo C đều xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì anh chị sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Chị N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính cách khác nhau nên bất đồng quan điểm về lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không tìm được tiếng nói chung; phía anh C thì phủ nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn, anh C cho rằng, do chị N không chịu được vất vả nên đã tự bỏ đi, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N và mong hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy mong muốn đoàn tụ nhưng anh C không có động thái tích cực nào trong việc hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng như hiện tại. Ngoài ra căn cứ vào nội dung biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh C, chị N sinh sống và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, chị N và anh C xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy, chị N và anh C có phát sinh mâu thuẫn nên không còn tình cảm, chị N không muốn tiếp tục chung sống với anh C. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc giải quyết cho anh C và chị N quay về đoàn tụ theo ý kiến của anh C là không khả thi. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị N và xử cho chị N được Ly hôn với anh Lý Séo C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Chị N và anh C đều xác nhận có 02 con chung là cháu Lý Thị T, sinh ngày 26/6/2014 và cháu Lý Thị H, sinh ngày 25/3/2019; Sau khi vợ chồng mâu thuẫn, chị N về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã D, huyện M và trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thị H cho đến nay; anh C là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thị T. Cháu T và cháu H đều được anh C và chị N cho đi học đầy đủ. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh C và chị N đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá việc giao hai con chưa thành niên cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cần phải xem xét đánh giá thật khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của các con, vì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với

con chưa thành niên. Việc giao cho một người là cha hay mẹ nuôi cả hai con, cũng sẽ ít nhiều gặp khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến việc nuôi dưỡng và chăm sóc con được đầy đủ của cha mẹ. Do vậy, để đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị N và anh C được đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, cũng như phù hợp với độ tuổi, giới tính và tâm sinh lý của hai con chung, đồng thời để cháu T và cháu H ổn định về tâm lý và việc học tập sau khi anh C và chị N ly hôn, cần giao cho chị Phan Thị N và anh Lý Séo C mỗi người nuôi một con là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Từ những đánh giá, nhận định trên, cần giao con Lý Thị T cho anh Lý Séo C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, theo nguyện vọng của cháu T được ở với bố; cháu Lý Thị H, hiện đang học tập và sinh sống ổn định với chị Phan Thị N, do tuổi của cháu H nhỏ hơn, là con gái, do đó cần có sự chăm sóc của người mẹ sẽ tốt hơn nên cần giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh C và chị N, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh C và chị N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] *Về thời điểm giao con:* Chị Phan Thị N và anh Lý Séo C đều có ý kiến đề nghị thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, xét thấy ý kiến của anh C, chị N phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] *Về tài sản chung:* Chị Phan Thị N và anh Lý Séo C đều xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] *Về công nợ chung:* Anh C và chị N xác nhận, anh chị không nợ ai, không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[10] *Về án phí:* Chị Phan Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu phạm vi khởi kiện của chị Phan Thị N về việc xin ly hôn đối với anh Lý Séo C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phan Thị N được ly hôn với anh Lý Séo C (theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 02/8/2029 của ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang).

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Lý Thị H, sinh ngày 25/3/2019 cho chị Phan Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; giao cháu Lý Thị T, sinh ngày 26/6/2014 cho anh Lý Séo C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị N và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Chị N và anh C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. *Về tài sản, công nợ chung:* Chị Phan Thị N và anh Lý Séo C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị Phan Thị N phải chịu số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003203 ngày 13/11/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. *Về thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- huyện Yên Minh;
- UBND thị trấn M, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Tình